

令和 1 年 12 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	31.1 t	7.46	3.0 cm	15.0 °C	
放流水量	31.5 t	7.80	50.0 cm	14.0 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	314 KWH	3,688 KWH	3.82 t	
日平均使用量	10.1 KWH	119.0 KWH	0.12 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	小計
月計	6台: 4.79t	13台: 32.93t	23台: 17.38t	13台: 36.94t	1台: 2.53t	56台: 94.57 t
前月累計	44台: 21.45t	176台: 331.01t	245台: 175.43t	92台: 248.93t	10台: 21.30t	567台: 798.12 t
年度計	50台: 26.24t	189台: 363.94t	268台: 192.81t	105台: 285.87t	11台: 23.83t	623台: 892.69 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	56台: 94.57 t
前月累計	1.48 t	567台: 799.60 t
年度計	1.48 t	623台: 894.17 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	台	237 m <sup>3</sup>
前月累計	142 台	1,995 m <sup>3</sup>
年度計	142 台	2,232 m <sup>3</sup>

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	4.98 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	101.68 t	74 台
5	130.58 t	102 台
6	85.67 t	62 台
7	101.44 t	68 台
8	93.67 t	65 台
9	89.87 t	66 台
10	110.46 t	75 台
11	86.23 t	55 台
12	94.57 t	56 台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	894.17 t	623 台

薬品名	使用量
スケール分散剤	20.00 kg
凝集剤 パック	50.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.40 kg
固形塩素剤	2.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	m <sup>3</sup>
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2	雨	2 °C	2 °C	-3 °C
3	曇	-1 °C	-1 °C	-3 °C
4	晴/曇	-5 °C	-1 °C	-7 °C
5	曇	-3 °C	-1 °C	-16 °C
6	晴/曇	-5 °C	-1 °C	-12 °C
7		°C	°C	°C
8		°C	°C	°C
9	晴	-9 °C	-4 °C	-16 °C
10	曇/晴	3 °C	5 °C	-6 °C
11	晴/曇	5 °C	8 °C	1 °C
12	曇/雪	6 °C	6 °C	-2 °C
13	晴	-2 °C	3 °C	-4 °C
14		°C	°C	°C
15		°C	°C	°C
16	曇	-3 °C	4 °C	-7 °C
17	曇	1 °C	5 °C	-4 °C
18	曇	6 °C	6 °C	-1 °C
19	晴/曇	-1 °C	2 °C	-4 °C
20	曇/雪	-2 °C	-2 °C	-6 °C
21		°C	°C	°C
22		°C	°C	°C
23	曇/雪	-10 °C	-4 °C	-15 °C
24	晴/曇	-4 °C	-3 °C	-9 °C
25	曇	-5 °C	-2 °C	-9 °C
26	曇	-6 °C	-2 °C	-7 °C
27	曇	-6 °C	-2 °C	-8 °C
28		°C	°C	°C
29		°C	°C	°C
30	曇	-3 °C	3 °C	-9 °C
31		°C	°C	°C